

Số: 26/2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc
hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;
Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01
tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân
sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông*

*Căn cứ Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng
11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự
nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông
cấp tỉnh, cấp xã;*

*Xét Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt
động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 131/BC-KTNS
ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi và mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Kèm theo Phụ lục)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.
2. Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; Nghị quyết số 123/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT(01), CTHĐ (4).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Đạt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung chi và mức chi cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh
 - a. Quy định này quy định nội dung chi và mức chi thực hiện hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
 - b. Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

- a. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp ở địa phương.
- b. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông ở địa phương.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Quy định này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Ngân sách Nhà nước chi cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Mục 2 Chương III của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông.

2. Hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí ngân sách Nhà nước để thực hiện hoạt động khuyến nông phải thực hiện công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành. Đối với các nội dung chi chưa có quy định về mức chi thì đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

Chương II **NỘI DUNG CHI, MỨC CHI**

Điều 4. Nội dung chi, mức chi bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Quy định một số nội dung chi, mức chi sau:

a. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Riêng chi xây dựng, biên soạn tài liệu phục vụ các lớp bồi dưỡng có thời gian dưới 05 ngày, áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

b. Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi tiền công hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

c. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác); mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan. Chi giải khát giữa giờ, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên) thì thực hiện theo quy định tại

Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tiền đi lại, chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 và tiền ăn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tiền đi lại, chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 và tiền ăn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

+ Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), tiền đi lại, chỗ ở cho người học (trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 8 và tiền ăn hỗ trợ không quá 50% mức quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông: Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

đ. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

- Đối với khảo sát, học tập trong nước: Mức chi cho công tác phí, thuê phòng ngủ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai. Tiền chi phí đi lại thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

- Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi thông tin tuyên truyền

1. Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Quy định một số nội dung chi, mức chi sau:

a. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông.

- Hằng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai, tọa đàm chuyên đề khuyến nông...). Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

b. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

- Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

- Mức chi: Tiền ăn và thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp; giải khát giữa giờ; công tác phí cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai. Tiền đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, thuê hội trường, văn phòng phẩm, tài liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC. Thuê phương tiện đưa đón đại biểu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

- Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

c. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông tỉnh, Hội nghị giao ban khuyến nông cấp xã, phường. Tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, giải khát giữa giờ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai. Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên vận dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC. Tiền đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

d. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

đ. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

e. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 6. Nội dung chi, mức chi xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP. Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy định một số nội dung chi, mức chi sau:

a. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và thực hiện theo quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC. Xăng xe, thuê xe thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai.

- Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

c. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng tại khoản 2 Điều 5 Quy định này.

d. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê: bình quân 11 ngày/tháng x số tháng x mức lương cơ sở/22 ngày.

Điều 7. Nội dung chi, mức chi tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Quy định một số nội dung chi, mức chi sau:

a. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo Điều 4 của Quy định này.

b. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo Điều 5 của Quy định này.

c. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Nội dung chi, mức chi hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP và theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 9. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông: Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC. Mức chi theo các quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. / 

Phụ lục
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND)

I. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

TT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	Văn bản áp dụng
1	Tập huấn, đào tạo cho đối tượng chuyển giao công nghệ: Tập huấn kiến thức mới cho mạng lưới khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông...		
1.1	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
1.2	Tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu	Theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
1.3	Tiền đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp ở xa trên 15 km (2 vòng đi và về)	Theo điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC	
1.4	Giải khát giữa giờ cho đại biểu	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
1.5	Tiền văn phòng phẩm	100% chi phí, chi thực tế theo thời điểm	Theo điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
1.6	Tiền hội trường, khẩu hiệu, trang trí		
1.7	In, photo tài liệu		
1.8	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (kể cả soạn tài liệu)		
-	Chi tiền công giảng viên, báo cáo viên	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/buổi (4 tiết học/buổi)	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với giảng viên, báo cáo viên)
-	Chi tiền công trợ giảng	Tối đa không quá 500.000 đồng/người/buổi (4 tiết học/buổi)	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 2.000.000 đồng/người/ buổi đối với trợ

			giảng)
1.9	Thuê xe đi tổ chức (tổ chức ở xã)	100% chi phí; theo thực tế	Theo điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC
2	Tập huấn, đào tạo cho nông dân: Tập huấn/gặp gỡ, trao đổi về tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp... tổ chức tại xã		
2.1	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
2.2	Tiền đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp ở xa trên 15 km (2 vòng đi và về)	200.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
2.3	Giải khát giữa giờ	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
2.4	Tiền hội trường, khẩu hiệu, trang trí	100% chi phí, chi thực tế theo thời điểm	Theo điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
2.5	Tiền văn phòng phẩm		
2.6	In, photo tài liệu		
2.7	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (kể cả soạn tài liệu)		
-	Chi tiền công giảng viên, báo cáo viên	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/buổi (4 tiết học/buổi)	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với giảng viên, báo cáo viên)
-	Chi tiền công trợ giảng	Tối đa không quá 500.000 đồng/người/buổi (4 tiết học/buổi)	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi đối với trợ giảng)
2.8	Thuê xe đi tổ chức (tổ chức ở xã)	100% chi phí; theo thực tế	Theo điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC

3	Chi tham quan học tập ngoài tỉnh		
3.1	Công tác phí	Theo khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
3.2	Tiền thuê phòng nghỉ	Theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai	
3.3	Tiền tàu, xe, thuê xe...	Theo thực tế	Theo điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC

II. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Mức chi (đồng)	Văn bản áp dụng
1	Tuyên truyền, phổ biến tiến bộ khoa học, công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến thông qua (Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai)	Kế hoạch tổ chức tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm	
2	Tọa đàm chuyên đề khuyến nông, diễn đàn @ trên sóng truyền hình		
2.1	Báo cáo viên	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với báo cáo viên)
2.2	Thuê viết kịch bản, đạo diễn, quay phim	Theo báo giá của Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai	
2.3	Thuê dẫn chương trình		
2.4	Giải khát giữa giờ	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
3	Phim ảnh, băng đĩa kỹ thuật, tài liệu kỹ thuật, tờ rơi, tờ bướm kỹ thuật	Theo yêu cầu thực tế	
4	Hội thảo nhân rộng mô hình (01 ngày/cuộc)		
4.1	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
4.2	Tiền đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của	Theo điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT- BTC	

	cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán trên 15 km (2 vòng đi và về)		
4.3	Giải khát giữa giờ	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
4.4	Tiền hội trường, khẩu hiệu, trang trí	100% chi phí, chi thực tế theo thời điểm	Theo điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
4.5	Tiền văn phòng phẩm		
4.6	In, photo tài liệu		
4.7	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (kể cả soạn tài liệu)		
-	Chi tiền công báo cáo viên (kể cả viết báo cáo)	Tối đa không quá 2.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với giảng viên, báo cáo viên)
-	Chi tiền công trợ giảng	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi đối với trợ giảng)
4.8	Thuê xe đi tổ chức (tổ chức tại xã)	100% chi phí; theo thực tế	Theo điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC
5	Hội nghị sơ kết, tổng kết, giao ban khuyến nông tỉnh và khuyến nông xã (01 ngày/cuộc)		
5.1	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	
5.2	Tiền đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán trên 15 km (2 vòng đi và về)	Theo điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC	

2. Kinh phí triển khai mô hình

Nội dung chi	Số lượng	Mức chi (đồng)	Văn bản áp dụng
1. Tập huấn trong mô hình	1 lần/điểm trình diễn		
- Tiền ăn cho nông dân	Theo người học	200.000 đồng/ngày/người	Theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
- Giải khát giữa giờ	Theo người học	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
- In, photo tài liệu	Theo người học	Hỗ trợ 100% chi phí, chi thực tế theo thời điểm	Theo điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
- Khẩu hiệu, trang trí	1 lần/điểm trình diễn		
- Thuê hội trường	01 ngày		
- Chi tiền công giảng viên (kể cả soạn tài liệu)	2 buổi/1 lần	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/buổi (4 tiết học/buổi)	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với giảng viên, báo cáo viên)
- Chi tiền công trợ giảng	2 buổi/1 lần	Tối đa không quá 500.000 đồng/người/ buổi (4 tiết học/buổi)	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi đối với trợ giảng)
2. Tổng kết trong mô hình	1 lần/điểm trình diễn		
- Tiền ăn cho nông dân	Theo người học	200.000 đồng/ngày/người	Theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
- Giải khát giữa giờ	Theo người học	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

5.3	Giải khát giữa giờ	Tối đa không quá 50.000 đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu	Theo khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
5.4	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (kể cả soạn tài liệu)		
-	Chi tiền công báo cáo viên (kể cả viết báo cáo)	Tối đa không quá 2.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với giảng viên, báo cáo viên)
-	Chi tiền công trợ giảng	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi đối với trợ giảng)
5.5	Tiền hội trường, khẩu hiệu, trang trí	100% chi phí, chi thực tế theo thời điểm	Theo điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
5.6	In, photo tài liệu		

III. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Đối tượng, nội dung chi, mức chi thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, Thông tư số 75/2019/TT-BTC, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai và một số văn bản khác có liên quan.

1. Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu thực hiện mô hình

a. Mô hình trình diễn

Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư theo quy trình kỹ thuật được thực hiện như sau:

- Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường: Mức hỗ trợ tối thiểu 50%.

- Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: Mức hỗ trợ tối thiểu 70%.

- Đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ 100%.

Trường hợp có quy định khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo quy định đó.

b. Mô hình ứng dụng công nghệ cao/mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp/chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao: Hỗ trợ $\leq 40\%$ tổng kinh phí thực hiện trên tất cả các địa bàn.

- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: Hỗ trợ $\leq 100\%$ ≤ 100 triệu đồng/mô hình.

- Chi phí chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, cơ sở thực phẩm an toàn: Hỗ trợ 100%.

- In, photo tài liệu	Theo người học	100% chi phí, chi thực tế theo thời điểm	Theo điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
- Khẩu hiệu, trang trí	1 lần/điểm trình diễn		
- Thuê hội trường	01 ngày		
- Chi tiền công báo cáo viên (kể cả viết báo cáo)	01 cuộc	Tối đa không quá 2.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 4.000.000 đồng/người/buổi đối với giảng viên, báo cáo viên)
- Chi tiền công trợ giảng	01 cuộc	Tối đa không quá 1.000.000 đồng/người	Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC (mức tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi đối với trợ giảng)
3. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn	01 người/điểm trình diễn	Bình quân 11 ngày/tháng x số tháng x mức lương cơ sở/22 ngày	Theo điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC
4. Chi phí quản lý cơ sở (đơn vị thực hiện mô hình) 5% kinh phí		Nội dung chi theo điểm b khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC. Mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành.	

IV. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông (3% kinh phí):

Nội dung chi theo điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC; mức chi từng nội dung cụ thể theo các quy định hiện hành.

V. Các nội dung chi khác: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. / 